

Bản án số: 107/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2019
V/v tranh chấp về ly hôn, về nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm;

2. Ông Tôn P Thuận;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tân Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Hữu P, sinh năm 1972; địa chỉ: số 11, đường N, ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ: số 11, đường N, ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, từ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn anh Trương Hữu P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N tự tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ không quan tâm gia đình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống

đến nay. Từ khi không còn chung sống, vợ chồng không tới lui thăm nhau, không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Hữu K, sinh ngày 10/5/2010 (hiện do anh P chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, anh P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị N vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Trương Hữu P yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị N, chị N có nơi cư trú ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N là có căn cứ.

[3] Anh Trương Hữu P yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Anh P và chị N có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo anh P trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau, chị N không quan tâm gia đình, đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn sống chung đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc anh P yêu cầu ly hôn và triệu tập chị N tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng chị N vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của anh P. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh P và chị N đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chị N không quan tâm gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ năm 2015 đến nay. Bên cạnh đó, trong thời gian này hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu trong sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, anh P xác định vợ chồng có 01 con chung tên Trương Hữu K, sinh ngày 10/5/2010 (hiện do anh P chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu K do anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng, nếu thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu thì cháu cũng có nguyện vọng được sống chung với ba và trong quá trình giải quyết chị N cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu về việc được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh P. Do đó, để anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của cháu.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Anh P xác định, không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Anh P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Hữu P đối với chị Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Hữu P được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 103, ngày 25 tháng 8 năm 2010 do Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho anh Trương Hữu P và chị Nguyễn Thị N không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Anh Trương Hữu P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trương Bửu K, sinh ngày 10/5/2010 (hiện do anh P chăm sóc, nuôi dưỡng). Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trương Hữu P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở **chị** Nguyễn Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc anh Trương Hữu P xác định không có nợ chung trong thời K hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời K hôn nhân, thì anh Trương Hữu P và **chị** Nguyễn Thị N phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Trương Hữu P phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0012426 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Anh P đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

